

## Soạn bài Văn bản văn học - Ngữ văn lớp 10

Hướng dẫn trả lời câu hỏi soạn văn trang 121, SGK.

**Câu 1:** Hãy nêu những tiêu chí chủ yếu của văn bản văn học.

**Trả lời:**

**Tiêu chí 1:** Văn bản văn học còn gọi là văn bản nghệ thuật, văn bản văn chương. Văn bản văn học đi sâu vào phản ánh hiện thực khách quan, khám phá thế giới tình cảm, tư tưởng, thoả mãn nhu cầu hướng thiện và thẩm mỹ của con người.

Ví dụ: Đọc bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh chúng ta phải suy nghĩ để tìm kiếm lời giải đáp cho các câu hỏi: Tình yêu là gì? Hạnh phúc là gì? Làm thế nào để giữ niềm tin?

**Tiêu chí 2.** Ngôn từ của văn bản văn học là ngôn từ nghệ thuật có hình tượng mang tính thẩm mỹ cao, trau chuốt biểu cảm, gợi cảm, hàm súc, đa nghĩa.

**Tiêu chí 3:** Mỗi văn bản đều có một thể loại nhất định và theo quy ước cách thức thể loại đó (Kịch có hồi, cảnh, có lời đối thoại độc thoại; Thơ có vần, điệu, luật, khổ thơ...).

**Câu 2:** Vì sao nói: hiểu tầng ngôn từ mới là bước thứ nhất cần thiết để đi vào chiều sâu của văn bản văn học?

**Trả lời:**

- Văn học là nghệ thuật ngôn từ. Đọc văn bản văn học, ta hiểu rõ ngữ nghĩa của từ, từ nghĩa tường minh đến hàm nghĩa, từ nghĩa đen đến nghĩa bóng. Cùng với ngữ nghĩa, phải chú ý tới ngữ âm. Tuy nhiên, tầng ngôn từ mới là bước thứ nhất cần phải vượt qua để đi vào chiều sâu của văn bản.

- Vượt qua tầng ngôn từ, chúng ta cần đi sâu vào tầng hình tượng và tầng hàm nghĩa thì mới có thể hiểu được văn bản văn học. Trên thực tế, ba tầng của văn bản văn học không tách rời mà liên hệ mật thiết với nhau. Không hiểu tầng ngôn từ sẽ không hiểu tầng hình tượng và vì vậy cũng sẽ không hiểu tầng hàm nghĩa của văn bản.

- Trong một văn bản văn học, tầng ngôn từ hình tượng hiện lên tương đối rõ, tầng hàm nghĩa khó nắm bắt hơn. Tầng hàm nghĩa chỉ có thể hiểu được khi người đọc biết suy luận, phân tích, khái quát.

Đọc văn bản văn học phải hiểu được tầng hàm nghĩa nhưng hiểu được tầng ngôn từ là bước thứ nhất cần thiết để đi vào chiều sâu của văn bản văn học.

**Câu 3:** Phân tích ý nghĩa một hình tượng mà anh (chị) yêu thích trong một bài thơ hoặc đoạn thơ ngắn.

## Soạn bài Văn bản văn học - Ngữ văn lớp 10

### Trả lời:

- Để phân tích, học sinh cần nắm được đặc trưng của hình tượng trong thơ, hiểu được lớp ngôn từ để phân tích đặc điểm của hình tượng, từ đó phân tích ý nghĩa của hình tượng.
- Nên chọn hình tượng trong một bài thơ, hoặc đoạn thơ đã học trong chương trình để thấy việc tiếp cận hình tượng theo hướng tìm hiểu các tầng của văn bản có những cái hay riêng.

Có thể tham khảo ví dụ sau:

“Bóng buồm đã khuất bầu không

Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời”

(Lý Bạch – *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*)

- Học sinh đối chiếu với bản phiên âm và dịch nghĩa để hiểu lớp ngôn từ. Chú ý các từ “cỡ phàm” (cánh buồm lẻ loi, cô độc); “bích không tận” (bầu trời xanh đến vô cùng); “duy kiến” (chỉ nhìn thấy duy nhất); “thiên tế lưu” (dòng sông bay lên ngang trời).
- Hình tượng nhân vật trữ tình được khắc họa qua hai hình ảnh: Cánh buồm khuất bầu không (*Cô phàm viễn ảnh bích không tận*) và dòng sông chảy ngang trời (*Duy kiến trường giang thiên tế lưu*).
- Ngôn từ và hình ảnh thơ tạo nên rất nhiều đối lập: cảnh và người; kẻ đi và người ở; bé nhỏ và rộng lớn; đơn chiếc và vô tận; hữu hạn và vô hạn; trời và nước...
- Hình tượng thơ vừa gửi gắm niềm thương nhớ vừa khắc họa tâm trạng nôn nao khó tả của Lý Bạch trong thời khắc tiễn bạn về chôn phần hoa.

**Câu 4:** Hàm nghĩa của văn bản văn học là gì? Cho ví dụ cụ thể.

### Trả lời:

- Hàm nghĩa của văn bản văn học là khả năng gợi ra nhiều lớp ý nghĩa tiềm tàng, ẩn kín của văn bản văn học mà qua quá trình tiếp cận, người đọc dần dần nhận ra.
- Muốn nhận ra hàm nghĩa của văn bản văn học, người đọc cần đi qua các lớp: đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo...
- Hàm nghĩa của văn bản văn học không phải lúc nào cũng dễ hiểu và không phải lúc nào cũng có thể hiểu đúng và hiểu đủ.

## Soạn bài Văn bản văn học - Ngữ văn lớp 10

### Ví dụ:

- Bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương mới đọc qua tưởng chỉ là chuyện chiếc bánh trôi, từ đặc điểm đến các công đoạn làm bánh. Nhưng hàm chứa trong đề tài bánh trôi là cảm hứng về cuộc đời và thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ. Người phụ nữ than thân trách phận nhưng không dừng lại ở đó, còn khẳng định vẻ đẹp của mình và lên tiếng phê phán xã hội bất công, vô nhân đạo.
- Truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu bao hàm nhiều ý nghĩa triết lí về con người và cuộc đời thông qua rất nhiều những nghịch lí:
  - + Trong đời mỗi con người, có nhiều chuyện mà ta không lường trước được, không tính hết được bởi có những việc xảy ra ngoài ý muốn (Nhĩ đã không thể sang được bãi bồi bên kia sông, ngay trước nhà mình).
  - + Đôi khi, người ta cứ mãi mê đi tìm những giá trị ảo tưởng trong khi có những giá trị quen thuộc, gần gũi mà bền vững thì lại bỏ qua để khi nhận ra thì quá muộn (khi nằm liệt giường, Nhĩ mới nhận ra vẻ đẹp của “Bến quê”, vẻ đẹp của người vợ tảo tần sống gần trọn đời với mình).
  - + Hãy biết trân trọng cuộc sống, trân trọng những gì thuộc về “Bến quê”, đó là bức thông điệp mà Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến mọi người thông qua những triết lí giản dị mà sâu sắc của tác phẩm.

### LUYỆN TẬP

Đọc các văn bản (SGK trang 121, 122) và thực hiện các yêu cầu nêu bên dưới.

#### Câu 1: Văn bản “*Nơi dựa*”

a) Văn bản là một bài thơ văn xuôi của Nguyễn Đình Thi. Bố cục của văn bản chia làm hai đoạn có cấu trúc câu, hình tượng như nhau:

- Câu mở đầu và câu kết của mỗi đoạn có cấu trúc giống nhau.

- Mỗi đoạn đều có hai nhân vật có đặc điểm giống nhau. Đoạn một là một người đàn bà và một đứa nhỏ, đoạn hai là một người chiến sĩ và một bà cụ.

Tác giả tạo nên cấu trúc đối xứng cốt làm nổi bật tính tương phản, từ đó làm nổi bật ý nghĩa của hình tượng.

## Soạn bài Văn bản văn học - Ngữ văn lớp 10

b) Những hình tượng trong hai đoạn của bài thơ gợi lên nhiều suy nghĩ về nơi dựa trong cuộc sống. Người đàn bà dắt đứa nhỏ nhưng chính đứa nhỏ lại là "Nơi dựa" cho người đàn bà; bà cụ già bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ.

### Câu 2. Văn bản "*Thời gian*"

a) Văn bản là một bài thơ của Nam Cao. Bài thơ có câu từ độc đáo và cách ngắt nhịp linh hoạt, cách vắt dòng có chủ định. Văn bản có thể chia làm hai đoạn:

Đoạn một: từ đầu đến "*...trong lòng giếng cạn*"

Đoạn hai: tiếp theo đến hết.

Đoạn một nói lên sức mạnh tàn phá của thời gian. Đoạn hai nói về những giá trị bền vững tồn tại mãi với thời gian.

- Thời gian cứ từ từ trôi "qua kẽ tay" và âm thầm "làm khô những chiếc lá". "Chiếc lá" vừa có nghĩa thực, cụ thể vừa có nghĩa bóng, ẩn dụ. Nó vừa là chiếc lá trên cây, mới hôm này còn xanh tươi sự sống thế mà chỉ một thời gian lọt "qua kẽ tay", là đã lá chết. Nó vừa là những chiếc lá cuộc đời trên cái cây cuộc sống mà khi thời gian trôi đi, sự sống cứ rụng dần như những chiếc lá. Những kỉ niệm trong đời thì "*Roi / như tiếng sỏi / trong lòng giếng cạn*". Thật nghiệt ngã. Đó là quy luật băng hoại của thời gian.

- Vấn đề ở đây là ai cũng nhận ra quy luật ấy nhưng không phải ai cũng có thể làm cho mình bất tử cùng thời gian. Vậy mà cũng có những giá trị mang sức sống mãnh liệt chọi lại với thời gian, bất tử cùng thời gian. Đó là sức mạnh vượt thời gian của thi ca và âm nhạc (hiểu rộng ra là nghệ thuật). Dĩ nhiên là "những câu thơ\ những bài hát", những tác phẩm nghệ thuật đích thực. Hai chữ "xanh" được lấy lại như "chọi" lại với chữ "khô" trong câu thứ nhất.

- Câu kết thật bất ngờ: "*Và đôi mắt em/ như hai giếng nước*". Dĩ nhiên đây là "hai giếng nước" chứa đầy những kỉ niệm tình yêu, những kỉ niệm tình yêu sống mãi, đối lập với những kỉ niệm "roi" vào "lòng giếng cạn" quên lãng của thời gian.

b) Qua bài thơ "*Thời gian*", Văn Cao muốn nói rằng: thời gian có thể xóa nhòa tất cả, chỉ có văn học nghệ thuật và tình yêu là có sức sống lâu bền.

### Câu 3. Văn bản "*Minh và ta*"

Văn bản là một bài tứ tuyệt đặc sắc của nhà thơ Chế Lan Viên rút trong tập *Ta gửi cho mình*. Bài thơ đề cập đến những vấn đề lí luận của thi ca, của văn học nghệ thuật.

a) Hai câu đầu:

## Soạn bài Văn bản văn học - Ngữ văn lớp 10

*Mình là ta đấy thôi, ta vẫn gửi cho mình*

*Sâu thăm mình u? Lại là ta đấy!*

Hai câu thơ thể hiện quan niệm sâu sắc của Chế Lan Viên về mối quan hệ giữa người đọc (mình) và nhà văn (ta). Trong quá trình sáng tạo, nhà văn luôn có sự đồng cảm với bạn đọc cũng như trong quá trình tiếp nhận tác phẩm, bạn đọc luôn có sự đồng cảm với nhà văn. Sự đồng cảm phải có được nơi tận cùng “sâu thăm” thì tác phẩm mới thực sự là tiếng nói chung, là nơi gặp gỡ của tâm hồn, tình cảm con người.

b) Hai câu sau là quan niệm của Chế Lan Viên về văn bản văn học và tác phẩm văn học trong tâm trí của người đọc:

*Ta gửi tro, mình nhen thành lửa cháy*

*Gửi viên đá con, mình dựng lại nên thành.*

Nhà văn viết tác phẩm văn học là sáng tạo nghệ thuật theo những đặc trưng riêng. Những điều nhà văn muốn nói đều đã được gửi gắm vào hình tượng nghệ thuật và nghệ thuật chỉ có giá trị gợi mở chứ không bao giờ nói hết, nói rõ. Người đọc phải tái tạo lại, tưởng tượng thêm, suy ngẫm, phân tích để sao cho từ bấp “tro” tưởng như tàn lại có thể “nhen thành lửa cháy”, từ “viên đá con” có thể dựng nên thành, nên lũy.

Quan niệm trên của Chế Lan Viên đã được nhà thơ phát biểu theo cách của thơ và đó cũng là một minh chứng cho quan niệm của chính nhà thơ.